

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2019/DS-ST**

Ngày 10/9/2019

“V/v KIỆN ĐÒI TIỀN”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Lãn Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc “KIỆN ĐÒI TIỀN” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị U** - Sinh năm 1972.

- Địa chỉ: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị D** - Sinh năm 1971.

- Địa chỉ: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Trần Văn Đ** - Sinh năm 1968.

- Trú quán: Thôn K - P - L - Bắc Giang.

Anh Đ ủy quyền cho chị U.

2. Anh **Vũ Anh H**, sinh năm 1970.

- Trú quán: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm 1983.
- Địa chỉ: T - P - L - Bắc Giang. Vắng mặt.

2. Chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1996.
- Địa chỉ: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Triệu Hạnh H - Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Gia đình chị làm nghề kinh doanh ở K, xã P, huyện L. Giữa gia đình chị và gia đình chị Nguyễn Thị D và Vũ Anh H có quan hệ là bạn bè hàng xóm. Thời gian trước đây giữa chị và gia đình chị D cũng đã có nhiều lần vay nợ với nhau. Chị D đã nhiều lần vay tiền của chị, những lần vay này khi đến hạn chị D đều thanh toán đầy đủ. Đầu tháng 4/2009 gia đình chị D cần tiền để kinh doanh và làm công trình, biết nhà chị có tiền chưa sử dụng đến nên chị D đã đến nhà chị hỏi vay tiền, vì là chỗ bạn bè tin tưởng, chị đã cho chị D vay 3 lần với tổng số tiền là 2.537.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 8/5/2009(tức ngày 10/4/2009 âm lịch) chị cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 970.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/6/2009(tức ngày 13/5/2009 âm lịch) chị cho chị D vay số tiền 730.000.000 đồng.

Lần 3: Cùng ngày 05/6/2009 vào buổi chiều(tức ngày 13/5/2009 âm lịch) chị cho chị D vay số tiền 837.000.000 đồng.

Trong cả 3 lần vay tiền nói trên, chị D đều đến nhà chị, chị là người trực tiếp giao tiền cho Chị D. Sau mỗi lần vay tiền chị D đều tự viết và ký tên vào sổ của chị. Chị khẳng định chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền đều là chữ của chị Nguyễn Thị D tự tay viết.

Về lãi suất: Đối với số tiền 970.000.000 đồng, vay ngày 10/4/2009 âm lịch và số tiền 730.000.000 đồng, vay vào buổi sáng ngày 13/5/2009 âm lịch, chị D có nói với chị là vay nóng mấy ngày sẽ trả nên chị không tính lãi. Đối với số tiền 837.000.000 đồng, vay vào buổi chiều ngày 13/5/2009 âm lịch, chị D có nói là vay thời gian dài nên chị và chị D có thỏa thuận về lãi suất vay là 3%/ tháng.

Về thời hạn trả nợ: Giữa chị và chị D không ghi cụ thể về thời hạn trả nợ

mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi nào cần chị sẽ thông báo trước cho chị D biết.

Toàn bộ số tiền chị đã cho chị D vay là tiền gia đình chị đã đi vay ngân hàng về để làm kinh doanh, do chưa sử dụng đến nên chị đã cho chị D vay lại, khi chị cho chị D vay tiền, chị không nói cho chồng biết, khoảng 6 tháng sau khi đến thời hạn trả nợ ngân hàng thì chồng chị mới biết. Đối với 3 khoản nợ trên chị đã đòi nhiều lần nhưng chị D vẫn chưa trả. Việc chị D trình bày là đã trả chị hết số nợ trên nhưng vì tin tưởng nên không gạch sổ là không có căn cứ. Chị xác định toàn bộ số nợ này là nợ chung của gia đình chị D, mặc dù khi vay tiền chỉ một mình chị D đứng ra vay và ký vào giấy vay nợ nhưng chị D vay tiền về để sử dụng vào mục đích kinh doanh của gia đình nên cả chị D và anh H phải có trách nhiệm trả nợ.

Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Anh H phải trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi của cả 3 khoản vay theo mức lãi suất là 8.50%/năm, số tiền lãi tính đến ngày làm đơn khởi kiện là 2.047.253.097 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 4.584.253.097 đồng. Nhưng nay chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu vợ chồng chị D phải trả cho vợ chồng chị số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 837.000.000 đồng ngày 13/5/2009 âm lịch theo mức lãi suất là 0.8%/tháng kể từ ngày vay đến nay.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Khoảng từ năm 2003, chị có đến hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị U. Khi vay chị là người trực tiếp ghi vào giấy biên nhận nợ. Việc vay nợ là do mình chị vay, chồng chị là anh Vũ Anh H không biết. Do lâu ngày chị không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu. Mục đích chị vay tiền về để chi tiêu, kinh doanh làm ăn. Chị đã trả cho chị U nhiều lần nhưng chưa hết. Số tiền lãi chị chưa trả được chị U lại chuyển thành gốc. Cứ cộng như vậy, từ năm 2003 cho đến năm 2009, cụ thể là: Ngày 10/4/2009 (âm lịch) vay 970.000.000 đồng; ngày 13/5/2009 (âm lịch) vay 730.000.000 đồng và 837.000.000 đồng. Đối với khoản vay 970 triệu và 730 triệu thì không ghi lãi suất, còn khoản vay 837 triệu lãi suất 3%. Những ngày vay ghi của các giấy tờ này đều do tự tay chị viết vào sổ của chị U. Chị xác định có vay của chị U. Chị và em gái là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983, trú quán: K, P, L đã trả cho chị U nhiều lần nhưng chưa hết. Khi trả chị U lại không xóa đi.

Đến nay chị U làm đơn khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền gốc tổng cộng là 2.537.000.000 đồng của ba lần ghi trên giấy vay nợ do chị viết như đã trình bày ở trên và lãi suất 0.85%/năm đối với số tiền 837.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.537.000.000 đồng. Chị không đồng ý trả vì số tiền này chị không được nhận tiền mặt. Toàn bộ số tiền đó là do chị U cộng tiền lãi thành tiền gốc. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Chị đã nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án. Tuy nhiên chị không còn chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ chị U đã nộp cho Tòa án.

Chị D thừa nhận trước đây có vay tiền của chị U nhưng là số tiền nhỏ là 200 triệu với lãi suất là 2000 đồng/01 triệu/ 01 ngày để chi tiêu gia đình và cá nhân. Đối với khoản nợ này chị đã trả lãi cho chị U rất nhiều lần và tất cả những lần trả đều ghi vào sổ của chị U.

Chị D xác nhận tất cả những giấy triệu tập Tòa án đã giao cho chị, chị đã được nhận và giấy triệu tập giao cho anh Vũ Anh H chị cũng đã thông báo cho chồng chị nhưng chồng chị xác định không liên quan nên không đến Tòa án làm việc.

Chị đã được Tòa án cho xem giấy vay nợ mà chị U đã nộp cho Tòa án có ghi 03 khoản vay ngày 10/4/2009, ngày 13/5/2009 (âm lịch), ngày 13/5/2009 (âm lịch) lãi 3%. Chị thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay nợ là chữ của chị. Đối với 02 khoản vay trong ngày 13/5/2009, do cộng vào nhiều tiền lãi quá nên chị U đề nghị chị viết thành hai khoản vay: Khoản vay 837 triệu lãi 3%. Chị đề nghị Tòa án xem xét đối với khoản vay 970 triệu và 730 triệu chị Út nói là vay tiền ngân hàng về chị U cho chị vay mà tại sao lại không tính lãi và số tiền chị đưa cho con gái chị 100 triệu mang trả cho chị U, tại sao chị U không trừ cho chị. Chị đề nghị chị U giao lại toàn bộ quyển sổ của chị U có ghi tiền vay và số tiền chị đã trả cho chị U.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Đ trình bày:**

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị U, giữa gia đình anh và gia đình chị D, anh H có quan hệ với nhau là hàng xóm. Anh cũng được biết hiện nay vợ anh đang khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng chị D, anh H số tiền gốc là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ anh là chị Nguyễn Thị U. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng anh vay ngân hàng để làm ăn kinh doanh. Việc vợ anh cho chị D vay tiền cụ thể như thế nào anh không được biết. Đến đầu năm 2010 khi khoản vay tại ngân hàng đã đến hạn thanh toán, anh hỏi vợ thì mới biết là chị U đã cho chị D vay ba lần với tổng số tiền là 2.537.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay vợ anh đã nhiều lần đòi

nhưng chị D, anh H không trả. Anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị D, anh H phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc đã vay là 2.537.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Anh H trình bày:**

Anh là chồng của chị Nguyễn thị D. Giữa gia đình anh và gia đình chị Nguyễn Thị U không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là hàng xóm với nhau. Việc vợ anh là chị Nguyễn Thị D có vay tiền của chị Nguyễn Thị U bao nhiêu tiền thì anh không được biết, khi vay tiền chị D cũng không nói gì với anh. Nay chị Nguyễn Thị U khởi kiện ra tòa án buộc vợ anh là chị D phải trả cho chị U cả tiền gốc và tiền lãi là 4.584.253.097 đồng anh không đồng ý vì anh không được vay tiền và không được biết việc vay nợ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị U giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 2.537.000.000 đồng trừ đi 100.000.000 đồng đã trả vào ngày 29/4/2009 còn lại số tiền nợ gốc là 2.437.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay 837.000.000 đồng vay ngày 13/5/2019 âm lịch với mức lãi suất là 0,8%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 825.314.104 đồng. Xin rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 970.000.000 đồng ngày 10/4/2009 âm lịch và khoản vay 730.000.000 đồng ngày 13/5/2009 âm lịch. Chị Nguyễn Thị D không đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị U.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thẩm phán có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 điều 305; điều 471; điều 474; điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Dung phải trả cho chị Nguyễn Thị U số tiền gốc 2.437.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền 837.000.000 đồng với mức lãi suất là 0,8%/tháng tính từ ngày 13/5/2009 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng và 730.000.000 đồng.

Số tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng chị D nhận chịu nên không đặt ra giải quyết.

Trả lại chị Nguyễn Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Nguyễn Thị D trình bày: Tài liệu là giấy vay nợ mà chị U cung cấp cho tòa án gồm ba khoản vay tuy nhiên đây không phải là khoản chốt nợ cuối cùng. Tài liệu này không phản ánh sự thật khách quan. Luật sư đề nghị áp dụng điều 471, điều 474 BLDS 2005. Tuyên bác yêu cầu khởi kiện buộc chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Anh H phải trả số tiền 2.437.000.000 đồng + lãi của khoản tiền 837.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với chị Nguyễn Thị D. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Vũ Anh H vắng mặt lần thứ ba không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án, xét xử vắng mặt anh H.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị U và chị Nguyễn Thị D có quan hệ hàng xóm với nhau. Trước đây giữa chị U và chị D đã nhiều lần cho nhau vay tiền và đều thanh toán nợ với nhau sòng phẳng. Chính vì vậy ngày 10/4/2009 âm lịch và

ngày 13/5/2009 âm lịch chị U đã cho chị D vay 03 lần với tổng số tiền là 2.537.000.000 đồng. Trong tổng số tiền nêu trên chị Nguyễn Thị U trình bày nguồn gốc tiền cho vay là tiền gia đình chị đi vay ngân hàng về để kinh doanh do chưa sử dụng đến nên cho chị D vay lại, trong số đó có khoản vay 837.000.000 đồng vay ngày 13/5/2009 âm lịch có một phần là tiền gốc và tiền lãi chị D vay chị trước đó chưa trả hết nên chị và chị D đã cùng cộng lại và viết thành khoản vay mới là 837.000.000 đồng. Ngày 29/4/2009 âm lịch chị D đã trả cho chị U được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại chị U đã đòi nhiều lần nhưng đến nay chị D vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị U giữ nguyên yêu cầu đòi nợ gốc, rút một phần yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 10/4/2009 âm lịch và khoản tiền 730.000.000 đồng vay ngày 13/5/2009 âm lịch. Chị đề nghị tòa án buộc chị Nguyễn Thị D và anh Vũ anh H phải trả cho chị số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền 837.000.000 đồng với lãi suất là 0,8%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 825.314.104 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.262.314.104 đồng.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và tính lãi của chị Nguyễn Thị U. Chị D thừa nhận trước đây chị có vay nợ của chị U, những lần vay trước là vay cá nhân của chị, chồng chị là anh Vũ Anh H không biết. Chị thừa nhận trong số tiền chị đã vay của chị U chị cũng đã trả nhưng vẫn chưa trả hết. Chị cho rằng chị U không có số tiền lớn như vậy để cho chị vay, số tiền chị U khởi kiện đòi nợ chị là tiền lãi chị U cộng lại, chị U tính với lãi suất quá cao do vậy chị không đồng ý trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận vay tiền giữa chị U và chị D là có thật. Vì hai bên có làm giấy tờ vay tiền và ký nhận nợ, chữ viết và chữ ký trong các lần vay tiền trong giấy vay nợ đều là chữ của chị D tự viết và ký tên. Việc chị D không đồng ý trả nợ với lý do là chị U tính lãi suất quá cao và chị U không có số tiền lớn như vậy để cho chị vay là không có căn cứ bởi vì: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Giang đã cung cấp cho tòa án hồ sơ vay vốn của chị Nguyễn Thị U. Theo đó chị U đã vay số tiền 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lục Ngạn. Thời điểm vay tiền là tháng 2/2009. Như vậy lời khai của chị Nguyễn Thị U về nguồn gốc số tiền chị đã cho chị D vay là có căn cứ. Mặt khác chị D trình bày chị U cho chị vay tiền và tính với lãi suất quá cao nhưng chị không cung cấp được chứng cứ tài liệu nào thể hiện có sự việc như chị đã trình

bày. Ngoài ra chị D cũng thừa nhận số tiền trước đây chị có vay của chị U, số tiền này chị cũng đã trả nhưng chưa trả hết. Như vậy có thể khẳng định có việc chị D và chị U đã thanh toán tiền nợ, lãi và chốt nợ với nhau. Việc chốt nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và khách quan. Sau khi chốt nợ và vay thêm nên chị D đã tự mình viết giấy nhận nợ và ký tên. Cho nên việc chị D trình bày số tiền chị U khởi kiện đòi nợ chị là tiền lãi chị U cộng lại, chị U tính với lãi suất quá cao nên chị không đồng ý trả nợ là không có căn cứ.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Nguyễn Thị D cho rằng tài liệu là giấy vay nợ mà chị U cung cấp cho tòa án gồm ba khoản vay tuy nhiên đây không phải là khoản chốt nợ cuối cùng. Tài liệu này không phản ánh sự thật khách quan. Quan điểm này của vị luật sư đưa ra là không có căn cứ vì ngoài giấy vay nợ trên các đương sự cũng như luật sư không đưa ra được chứng cứ nào khác thể hiện ngoài lần chốt nợ này còn lần chốt nợ nào khác giữa chị Dung và chị U. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị D đều thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay nợ mà chị Út cung cấp cho tòa án là chữ do chị viết ra. Trong đơn yêu cầu giám định, chị D không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký nên không thể cho rằng tài liệu là giấy vay nợ không phản ánh sự thật khách quan. Do đó việc luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với việc chị Nguyễn Thị U đề nghị tòa án buộc anh Vũ Anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị Nguyễn Thị D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong những lần chị Nguyễn Thị U cho chị Nguyễn Thị D vay tiền chỉ có chị U và chị D viết giấy vay nợ với nhau, anh Vũ Anh H không có mặt và không ký vào giấy vay nợ. Sau này trong quá trình trả nợ, anh H cũng không có lần nào trả tiền cho chị U. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Vũ Anh H tuy nhiên trong lời khai của mình anh H không thừa nhận có việc vay nợ với chị U, việc vay nợ giữa vợ anh và chị U thế nào anh không biết. Ngoài ra chị U còn trình bày toàn bộ số tiền chị Dung đã vay của chị, chị Dung sử dụng vào mục đích kinh doanh và mua máy móc làm công trình của gia đình chị Dung. Tuy nhiên ngoài lời khai, chị Út không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền chị D vay của chị đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình chị D nên cần xác định đây là khoản nợ riêng của chị Nguyễn Thị D. Do vậy không có căn cứ để buộc anh Vũ Anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị Nguyễn Thị D đối với các khoản vay nợ trên.

Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền 837.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong giấy vay nợ hai bên có thỏa thuận về lãi suất, mức lãi suất là

3%/tháng. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị U tự nguyện yêu cầu tính lãi suất theo mức là 0,8%/tháng tính từ ngày vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi suất của chị U là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Tính đến thời điểm xét xử số tiền lãi mà chị D phải trả cho chị Út là: $837.000.000 \text{ đồng} \times 120 \text{ tháng} \times 0,8\% = 825.314.104 \text{ đồng}$.

Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U đối với chị Nguyễn Thị D là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy cần buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị U số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và 825.314.104 đồng là phù hợp với các điều 305; điều 471; điều 474; điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

[3] Đối với việc rút yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 10/4/2009 âm lịch và khoản tiền 730.000.000 đồng vay ngày 13/5/2009 âm lịch của chị Nguyễn Thị U: Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ kiện chị Nguyễn Thị U yêu cầu tính lãi đối với cả ba khoản vay. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay chị U xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với hai khoản vay nói trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị U là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị U đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 10/4/2009 âm lịch và khoản tiền 730.000.000 đồng vay ngày 13/5/2009 âm lịch.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn là chị Nguyễn Thị D có yêu cầu giám định tài liệu chứng cứ. Chi phí cho việc giám định hết số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền này chị đã nộp và nhận chịu, không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U được chấp nhận do vậy chị Dung phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Cần trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị U.

** Vì các lẽ trên:*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 điều 305; điều 471; điều 474; điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị U và anh Trần Văn Đ số tiền gốc là 2.437.000.000 đồng và 825.314.104 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.262.314.104 đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 970.000.000 đồng vay ngày 8/5/2009(tức ngày 10/4/2009 âm lịch) và khoản tiền 730.000.000 đồng vay Ngày 05/6/2009(tức ngày 13/5/2009 âm lịch) của chị Nguyễn Thị U.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 97.246.282 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị U số tiền 56.293.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0005153 ngày 28/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt, niêm yết bản án.

- Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng